

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quốc Khởi.

2. Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2017, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Q; Sinh năm: 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P; Sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: số 373, ấp Đào Viên, xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Phan Thị Q lập ngày 07/3/2017, biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2017, biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Q trình bày như sau: Vào năm 2011, bà Phan Thị Q, sinh năm 1995 và ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Q và ông P chung sống với nhau đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến không chung sống với nhau nữa từ tháng 03/2016 đến nay. Trong thời gian chung sống, bà Q và ông P có một người con chung là Nguyễn Kỳ Dn, sinh ngày 23/02/2013, hiện nay cháu D sống chung với ông P. Trong thời gian chung sống, bà Q và ông P không có tài sản chung và nợ chung. Bà Q hiện nay làm nhân viên tại Quán ẩm thực T có thu nhập là 5.000.000 đồng/tháng. Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P. Về con

chung, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 23/02/2013 đến khi thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/5/2017, thư giải trình do ông Nguyễn Ngọc P lập ngày 19/5/2017 và biên bản hòa giải ngày 31/7/2017, bị đơn Nguyễn Ngọc P trình bày như sau: Ông Nguyễn Ngọc P thống nhất với phần trình bày của bà Phan Thị Q về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện nay, ông P làm công nhân tại Công ty cổ phần dệt may-dầu tư thương mại T có thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Nay ông P thống nhất ly hôn với bà Q, nhưng không đồng ý giao con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 23/02/2013 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng mà ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi thành niên và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử không công nhận quan hệ của bà Q và ông P là vợ chồng; giao cháu Nguyễn Kỳ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con; bà Q chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Phan Thị Q lập ngày 07/3/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà Q nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà Q và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2017, bà Phan Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P có nơi cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị Q:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Ngọc P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ chung sống của bà Q và ông P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Q và ông P là vợ chồng.

[7] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Q và ông P có một người con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 23/02/2013, hiện đang sống chung với ông Phụng. Tại phiên tòa, bà Q và ông P đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu D đến khi thành niên. Xét về điều kiện kinh tế, hiện tại bà Q và ông P đều có công việc ổn định, theo xác nhận của bà Đinh Thị M là chủ Quán ẩm thực T thì bà Q thu nhập là 5.000.000 đồng/tháng và theo xác nhận của Công ty cổ phần dệt may-đầu tư thương mại T thì ông P có thu nhập trung bình là 6.466.000 đồng/tháng, như vậy cả bà Q và ông P đều có thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng cháu D, nhưng ông P có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng cháu D. Mặt khác, hiện nay cháu D chỉ mới được hơn bốn tuổi, độ tuổi cần được ổn định cuộc sống, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu D. Từ những cơ sở trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 23/02/2013 đến khi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, ông P xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu D nên không yêu cầu bà Q cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà Q cấp dưỡng cho cháu D.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Ngọc P là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cho ông Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Ngọc P là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 23/02/2013 đến khi thành niên (hiện nay cháu Nguyễn Kỳ D sống chung với ông Nguyễn Ngọc P).

- Bà Phan Thị Q không phải cấp dưỡng cho Nguyễn Kỳ D.

- Bà Phan Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom Nguyễn Kỳ D mà không ai được cản trở. Bà Phan Thị Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Kỳ D của ông Nguyễn Ngọc P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003649, ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ